TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2025/DS-PT
Ngày: 20-02-2025.
V/v "Tranh chấp đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Ngầu

Các Thẩm phán: 1. Bà Nguyễn Thị Bích Thuỷ;

2. Ông Phạm Văn Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Phước Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gọn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 709/2024/TLPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp về đòi lại tài sản",

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 232/2024/DS-ST, ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 766/2024/QĐXXPT-DS ngày 16 tháng 12 năm 2024: Quyết định hoãn phiên toà phúc thẩm số 15/2025/QĐ-PT, ngày 08 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Ngọc L, sinh năm 1959;

Địa chỉ cư trú: số A, đường T, Khu phố A, Phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Huỳnh Thị Ngọc L: Chị Phạm Thị Hoàng A, sinh năm 1980;

Địa chỉ cư trú: C, Tổ H, Khu phố A, Phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị Kim C, sinh năm 1971 và anh Lương Hoài N, sinh năm 1971;

Cùng địa chỉ cư trú: Số E, Tổ A, ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/11/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn - ông Trần Văn H trình bày:

Vào năm 2009, bà Huỳnh Thị Ngọc L có cho vợ chồng chị Phạm Thị Kim C và anh Lương Hoài N vay tiền nhiều lần với tổng số tiền là 600.000.000 đồng, những lần vay đều không có làm giấy nợ, không có thoả thuận lãi suất, chỉ thoả thuận miệng thời gian vay là 01 tháng. Do không có khả năng trả nợ nên vào ngày 17/6/2011, chị C và anh N làm giấy bán nhà đất cho bà L và hứa đến khi con chị C, anh N ra trường sẽ giao nhà đất, nhưng chị C và anh N không thực hiện. Đến ngày 04/10/2011, chị C và anh N tiếp tục viết giấy cam kết hẹn đến ngày 20/10/2011 sẽ trả hết số tiền nợ cho bà L, nếu không sẽ làm thủ tục bán nhà đất cho bà L. Đến ngày 18/01/2012, chị C, anh N tiếp tục làm biên nhận hứa đến ngày 10/01/2012 (AL) tức ngày 01/02/2012 (DL) sẽ trả cho bà L số tiền 600.000.000 đồng hoặc giao nhà đất ở cho bà L trừ nợ. Sau đó, chị C anh N có đến nhà gặp bà xin trả dần nhưng bà không đồng ý. Từ năm 2013, bà L không còn liên lạc được với chị C, anh N nên không thể yêu cầu chị C, anh N trả nợ.

Nay nhà đất vợ chồng chị C, anh N đã chuyển nhượng cho người khác, nên bà L không yêu cầu gì đối với nhà đất, chỉ yêu cầu chị C, anh N trả số tiền nợ gốc 600.000.000 đồng và tiền lãi chậm tra từ ngày 01/02/2012 đến ngày xét xử xon vụ án với mức lãi suất 20%/năm. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà L thay đổi yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 01/01/2015 đến khi giải quyết xong vụ án, với mức lãi suất là 10%/năm.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Toà án cấp sơ thẩm, bị đơn Phạm Thị Kim C trình bày:

Trước đây vợ chồng chị kinh doanh thức ăn gia súc, do cần tiền để xoay vốn nên từ cuối năm 2009 đến năm 2010, vợ chồng chị có vay tiền của bà L 04 lần, tổng cộng 220.000.000 đồng; vay không có thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ; bà L nói cho vợ chồng chị vay đỡ 05, 06 tháng; Việc vay tiền có làm giấy và giao cho bà L giữ giấy. Do việc kinh doanh bị thua lỗ, nên vợ chồng chị chưa trả cho bà L được số tiền nào. Đến ngày 04/10/2011, bà L cùng người nhà và dẫn thêm một nhóm người giang hồ đến nhà chị la hét đòi nợ, nên vợ chồng chị bị ép phải ghi giấy cam kết trả nợ với số tiền 600.000.000 đồng và hẹn đến ngày 20/10/2011 sẽ trả nợ. Năm 2012, vợ chồng chị đi làm tại tỉnh Bình Dương, đến năm 2013 vợ chồng chị bán nhà ở thành phố T để trả nợ cho người khác, nên vợ chồng chị không còn ở địa phương từ đó đến nay.

Từ khi bỏ địa phương đi nơi khác sinh sống, bà L có gọi điện thoại cho vợ chồng chị để đòi nợ, vợ chồng chị có xin bà L được trả dần nhưng bà L không đồng ý. Khoảng năm 2015 thì hai bên không liên lạc nữa. Đến cuối năm 2023 thì chị được biết bà L khởi kiện vợ chồng chị ở Tòa án. Tháng 3/2024, vợ chồng chị có gọi điện xin bà L trả dần nhưng bà L không đồng ý.

Bà L yêu cầu trả nợ gốc 600.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm, vợ chồng chị chỉ đồng ý trả phần tiền gốc 600.000.000 đồng theo giấy cam kết, không đồng ý trả tiền lãi. Tại phiên tòa, chị C yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Toà án cấp sơ thẩm, bị đơn Lương Hoài N đã trình bày: thống nhất với lời trình bày và ý kiến của chị Phạm Thị Kim C, không bổ sung gì thêm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 232/2024/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào các điều 147, 184, 217, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 149, 166 và 429 của Bộ luật Dân sự; các điều 27, 30, 37 của Luật Hôn nhân gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ngọc L đối với chị Phạm Thị Kim C và anh Lương Hoài N.

Buộc chị Phạm Thị Kim C và anh Lương Hoài N có trách nhiệm liên đới trả cho bà Huỳnh Thị Ngọc L số tiền nợ gốc là 600.000.000 *(sáu trăm triệu)* đồng.

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng chị C và anh N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ngọc L đối với chị Phạm Thị Kim C và anh Lương Hoài N về yêu cầu tính tiền lãi.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, quyền và nghĩa vụ của các đương sự trong quá trình thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/10/2024, bà L có đơn kháng cáo; ngày 22/10/2024 bà L làm đơn kháng cáo sửa chữa bổ sung theo thông báo về việc sửa đổi, bổ sung đơn kháng cáo số 27/TB-TA ngày 10/10/2024 của Toà án cấp sơ thẩm. Nội dung đơn kháng cáo bà L yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận hợp đồng mua bán nhà đất giữa bà L với vợ chồng anh N, chị C.

Tại phiên toà:

- Nguyên đơn Huỳnh Thị Ngọc L và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận hợp đồng mua bán nhà, đất giữa bà L với anh N, chị C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh trình bày ý kiến:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Huỳnh Thị Ngọc L , giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bà Huỳnh Thị Ngọc L lập ngày 07/10/2024, nộp Toà án cấp sơ thẩm ngày 08/10/2024 còn trong thời hạn luật định. Ngày 10/10/2024, Toà án cấp sơ thẩm ban hành Thông báo số 27/TB-TA về việc sửa đổi, bổ sung đơn kháng cáo, bà L đã nhận được Thông báo số 27/TB-TA vào ngày 16/10/2024; Ngày 22/10/2024, bà L sửa đổi, bổ sung đơn kháng cáo và nộp cho Toà án cấp sơ thẩm cùng ngày. Nội dung đơn kháng cáo đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận hợp đồng mua bán nhà đất giữa bà với vợ chồng anh N, chị C.

[2] Xét kháng cáo của bà Huỳnh Thị Ngọc L, thấy rằng:

[2.1] Tại đơn khởi kiện ngày 27/11/1013, bà L khởi kiện yêu cầu anh Lương Hoài N và chị Phạm Thị Kim C trả số tiền nợ vay gốc 600.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 20%/năm, tạm tính từ ngày 01/02/2012 đến ngày 27/11/2023 là 1.549.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm, người đại diện hợp pháp cho bà L trình bày, do nhà đất vợ chồng chị C, anh N đã chuyển nhượng cho người khác nên bà L không yêu cầu gì đối với nhà đất, chỉ yêu cầu chị C, anh N trả số tiền nợ gốc và tiền lãi từ ngày 01/01/2015 đến khi giải quyết xong vụ án, với mức lãi suất là 10%/năm.

[2.2] Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 232/2024/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Toà án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L đối với chị C, anh N về số tiền vay gốc 600.000.000 đồng; đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà L đối với chị C, anh N về tiền lãi. Bản án của Toà án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết hợp đồng mua bán nhà đất giữa bà L với chị C, anh N (do bà L không yêu cầu).

[2.3] Bà L kháng cáo yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận hợp đồng mua bán nhà đất giữa bà L với anh N, chị C. Xét thấy, việc tranh chấp hợp đồng mua bán nhà đất giữa bà L với chị C và anh N, bà L không yêu cầu tại đơn khởi kiện ngày 27/11/2023 và Bản án dân sự sơ thẩm số 232/2024/DS-ST của Toà án cấp sơ thẩm cũng không giải quyết quan hệ tranh chấp này, nên Toà án cấp phúc thẩm không có căn cứ để xem xét, do đó kháng cáo của bà L không hợp pháp nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên, không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị Ngọc L, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí sơ thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận và giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên bà L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bà L sinh năm 1959 là người cao tuổi, có đơn xin xem xét miễn án phí, nên bà L được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị Ngọc L;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 232/2024/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào các Điều 149, 166 và 429 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, Điều 184 và và 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 37 của Luật Hôn nhân gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ngọc L đối với chị Phạm Thị Kim C và anh Lương Hoài N.

Buộc chị Phạm Thị Kim C và anh Lương Hoài N cùng có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thị Ngọc L số tiền nợ gốc là 600.000.000 *(sáu trăm triệu)* đồng.

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong số tiền nêu trên, hàng tháng chị C và anh N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi của bà Huỳnh Thị Ngọc L đối với chị Phạm Thị Kim C và anh Lương Hoài N.

3. Về án phí:

3.1. Chị Phạm Thị Kim C và anh Lương Hoài N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 28.000.000 *(hai mươi tám triệu)* đồng.

3.2. Bà Huỳnh Thị Ngọc L được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP Hồ Chí Minh;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện Gò Dầu;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu tập bản án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Võ Văn Ngầu